CTCP Lizen (HSX: LCG)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.3%	**1.1%**	**-17.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,141 - 13,501
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,124
Số lượng CPLH (CP)	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,794,110
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	1.40
EPS	825
P/E	13.3

Tỷ suất lợi nhuận

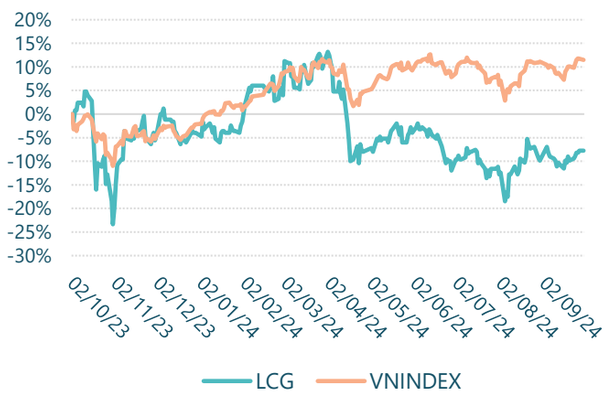

Doanh thu thuần

Q3/24

654

tỷ VNĐ

QoQ: ▼90.0 | -12.1%

YoY: ▲ 177 | 37.1%

Nợ/VCSH

Q3/24

132%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN gộp

Q3/24

95.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.3 | 46.3%

YoY: ▲ 36.9 | 62.7%

ROE (TTM)

Q3/24

6.3%

YoY: +/-▲ 0.5%

LN trước thuế

Q3/24

43.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.6 | -22.5%

YoY: ▲ 12.9 | 42.9%

ROA (TTM)

Q3/24

2.9%

YoY: +/-▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q3/24

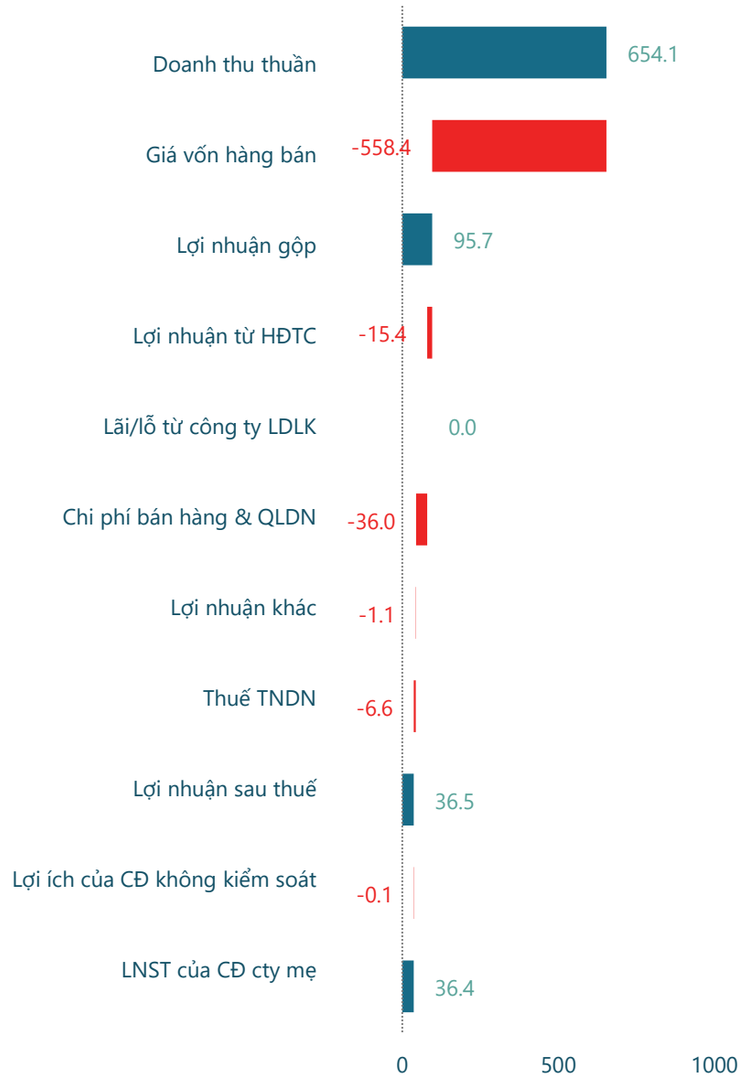

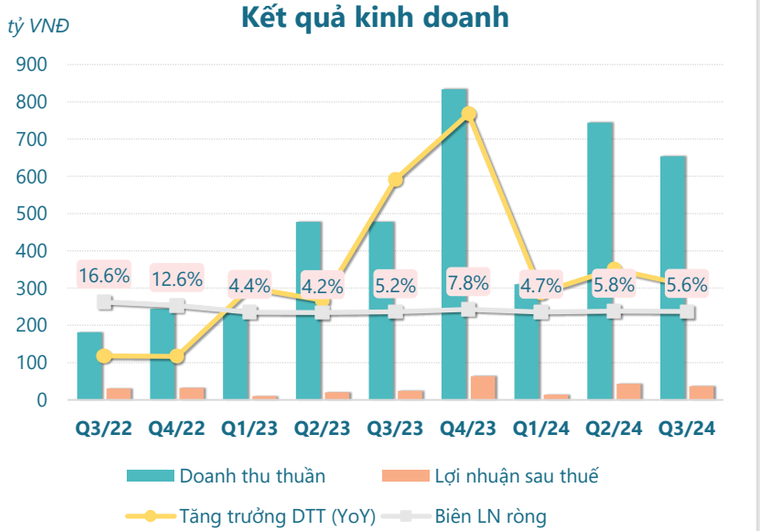

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 44.28 tỷ đồng**, giảm đi 18.9% so với kỳ trước và cao hơn 46.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 15.43 tỷ đồng** giảm đi 239% so với kỳ trước và giảm đi 3.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.13 tỷ đồng** giảm đi 201% so với kỳ trước và giảm đi 0.99 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

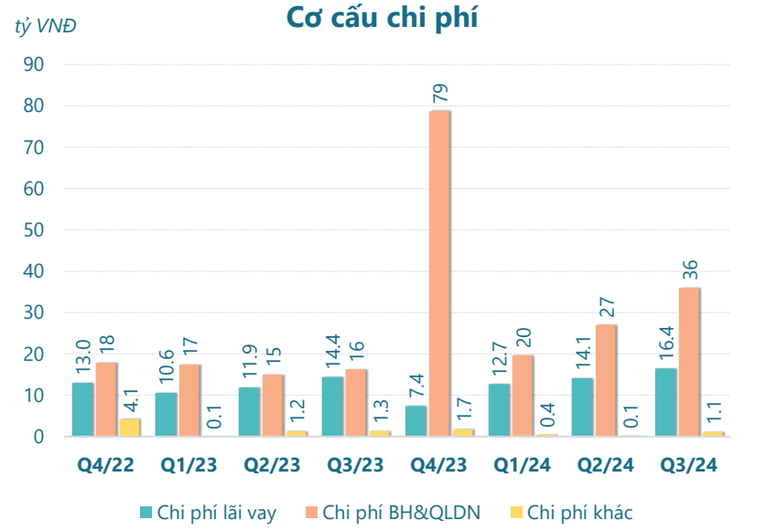

Kết quả kinh doanh của **LCG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **654.1 tỷ đồng** tăng thêm **37.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 36.55 tỷ đồng**, **tăng trưởng 51.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,709 tỷ đồng** cao hơn 42.8% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 95.00 tỷ đồng** cao hơn 72.7% so với cùng kỳ năm trước.

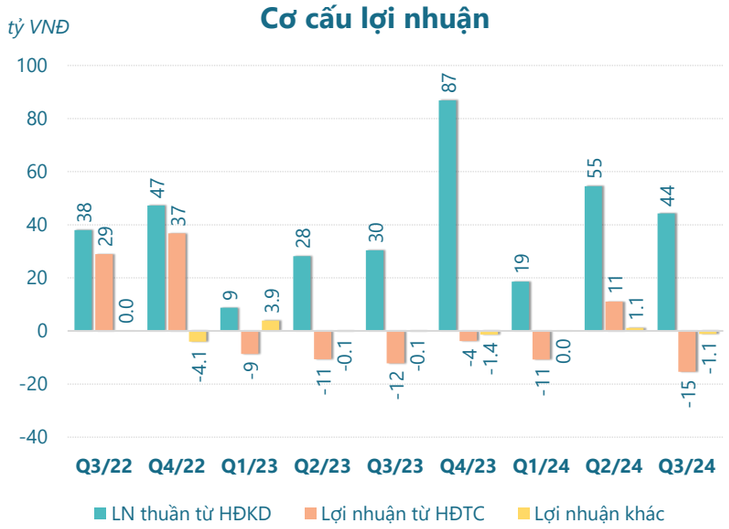

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **16.43 tỷ đồng** tăng thêm 16.4% so với kỳ trước và cao hơn 13.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **35.96 tỷ đồng** tăng thêm 33.3% so với kỳ trước và cao hơn 122% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **1.12 tỷ đồng** tăng thêm 700% so với kỳ trước và thấp hơn 15.8% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Lizen (HSX: LCG)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**654**	**744**	**-12.1%**	**477**	**37.1%**	**1,709**	**1,197**	**42.8%**
Giá vốn hàng bán	558	679	-17.8%	419	33.3%	1,499	1,050	42.8%
Lợi nhuận gộp	95.7	65.4	46.3%	58.8	62.7%	210	147	42.5%
Doanh thu HĐTC	1.00	29.2	-96.6%	2.19	-54.3%	32.2	7.66	320%
Chi phí TC	16.4	18.1	-9.2%	14.4	14.1%	47.3	39.2	20.9%
Chi phí lãi vay	16.4	14.1	16.5%	14.4	14.1%	43.2	36.9	17.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**5.04**	**-100%**	**0.00**		**5.04**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**36.0**	**27.0**	**33.2%**	**16.2**	**122%**	**82.6**	**48.6**	**70.0%**
LN thuần từ HĐKD	44.3	54.6	-18.9%	30.3	46.1%	117	67.3	74.4%
Lợi nhuận khác	**-1.13**	**1.12**	**-201%**	**-0.14**	**-711%**	**-0.03**	**3.64**	**-101%**
LN trước thuế	43.1	55.7	-22.5%	30.2	42.9%	117	71.0	65.5%
Lợi nhuận sau thuế	**36.5**	**43.5**	**-16.0%**	**24.1**	**51.7%**	**94.5**	**55.1**	**71.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.4**	**43.5**	**-16.2%**	**25.1**	**45.2%**	**94.5**	**55.6**	**69.9%**

